

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/12/2020

*“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Ông Nguyễn Văn Khóa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 195/2020/HNGĐ-ST ngày 02/11/2020, về việc " *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2020/QĐ-ST ngày 14/12/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị T, sinh ngày 26/4/1983.

Địa chỉ : Số 40, ngõ 181, đường Đình Văn T, khu 11, phường B, Tp. H, tỉnh Hải Dương ( Vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh ngày 17/8/1981.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu 11, phường B, Tp. Hải Dương, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

Hiện đang lao động tại : Vương quốc Anh.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan : Bà Vũ Thị V, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Địa chỉ : Số 40 ngõ 181, đường Đình Văn T, khu 11, phường B, Tp. H, tỉnh Hải Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn chị Trịnh Thị T trình bày: Chị và anh H được tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 12/3/2004. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là từ năm 2015 anh H đi lao động tại Vương Quốc Anh, do xa cách về địa lý dẫn đến vợ chồng bất hòa, không tìm thấy tiếng nói chung, nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh H có 4 con chung là cháu Trần Thị Bích N, sinh ngày 02/5/2005, cháu Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 11/4/2009, cháu Trần Việt A, sinh ngày 27/02/2011 và cháu Trần Văn P, sinh ngày 28/7/2015. Hiện các cháu đang ở với chị, ly hôn chị và anh H thỏa thuận chị nuôi cháu N và cháu P còn anh H nuôi cháu Việt A và cháu Ngọc A. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh H không ở Việt Nam, chị đồng ý để cháu Việt A, Ngọc A ở cùng bà nội là Vũ Thị V.

Về tài sản chung, nợ chung : Hai bên tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án do chị T không cung cấp được địa chỉ của anh Trần Văn H tại Vương Quốc Anh, nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã lấy lời khai của bà Vũ Thị V là mẹ đẻ anh H, đồng thời yêu cầu bà V cung cấp địa chỉ của anh H ở nước ngoài. Bà V xác định, anh H đi lao động tại Vương Quốc Anh từ năm 2015, bà không biết địa chỉ của anh H ở nước ngoài nên không thể cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên anh H thường xuyên liên lạc về gia đình, việc chị T làm đơn ly hôn bà có biết. Nguyên nhân do từ khi anh H đi nước ngoài đến nay chưa về Việt Nam lần nào, vợ chồng không có hạnh phúc. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh H biết. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà V xác định đã thông tin cho anh H. Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nay chị T có đơn ly hôn anh đồng ý và đề nghị giải quyết vắng mặt. Về con chung, anh có nguyện vọng được nuôi cháu Trần Thị Ngọc A và cháu Trần Việt A, thời gian không ở Việt Nam anh H ủy quyền cho bà V chăm sóc nuôi dưỡng hai con, bà V có quan điểm đồng ý. Về tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Các cháu Trần Bích N, Trần Thị Ngọc A, Trần Việt A là con chung của chị T, anh H có quan điểm bố mẹ ly hôn, cháu N ở với mẹ còn cháu Ngọc A, Việt A có nguyện vọng được ở với bố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị T và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị T được ly hôn anh H; về con chung: Giao con chung Trần Thị Bích N, sinh ngày 02/5/2005, Trần Văn P, sinh ngày 28/7/2015 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 11/4/2009, Trần Việt A, sinh ngày 27/02/2011 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Trong thời gian anh H không ở Việt Nam, tạm giao cháu Ngọc A, Việt A cho bà Vũ Thị V chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ của anh H tại Vương Quốc Anh. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình anh H cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị T có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trịnh Thị T và anh Trần Văn H tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 12/3/2004, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do năm 2015 anh H đi lao động tại Vương Quốc Anh, từ khi đi đến nay anh H chưa về Việt Nam lần nào, vợ chồng nghi ngờ và mất niềm tin, hai bên không tìm thấy tiếng nói chung. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Thông qua gia đình, anh H cũng có quan điểm đồng ý ly hôn. Xét thấy, thực tế cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã có thời gian dài sống ly thân nên có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

- *Về con chung:* Chị Trịnh Thị T và anh Trần Văn H có bốn con chung là cháu Trần Thị Bích N, sinh ngày 02/5/2005, cháu Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 11/4/2009, cháu Trần Việt A, sinh ngày 27/02/2011 và cháu Trần Văn P, sinh

ngày 28/7/2015. Ly hôn chị T, anh H thỏa thuận, chị T nuôi cháu N và cháu P. Anh H nuôi cháu Việt A và cháu Ngọc A. Xét thực tế, anh H chị T có bốn con, nếu giao cả bốn con cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng là không đảm bảo được quyền lợi cho các cháu. Mặt khác cháu N có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu Việt A, Ngọc A có nguyện vọng được ở với bố, bà Phạm Thị V là mẹ đẻ của anh H cũng có quan điểm đồng ý nuôi dưỡng cháu Việt A và Ngọc A giúp anh H trong thời gian anh H không ở Việt Nam. Do vậy để đảm bảo nguyện vọng của các cháu, cần chấp nhận sự thỏa thuận của anh H, chị T, giao cháu N, cháu Phúc cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng, cháu Việt A, Ngọc A cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh H không có mặt ở Việt Nam, tạm giao cháu Ngọc A, Việt A cho bà Vũ Thị V chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị T được ly hôn anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Thị Bích N, sinh ngày 02/5/2005, Trần Văn P, sinh ngày 28/7/2015 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung Trần Thị Ngọc A, sinh ngày 11/4/2009, Trần Việt A, sinh ngày 27/02/2011 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Trong thời gian anh H không ở Việt Nam, tạm giao cháu Ngọc A, Việt A cho bà Vũ Thị V chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

*Chị T, anh H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.*

3. Về tài sản chung, nợ chung : Hai bên tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp, theo biên lai thu số AA/2018/0004762 ngày 30 tháng 10 năm 2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Trần Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKS tỉnh Hải Dương
- Các đương sự.
- Cục thi hành dân sự.
- UBND phường B;;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**( Đã Ký)**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**